

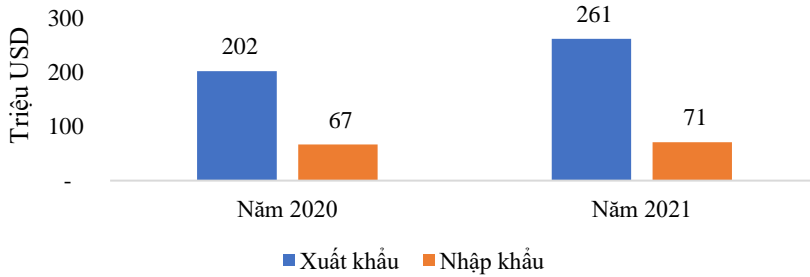
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN



Thị trường HÀN QUỐC

TÌNH HÌNH CHUNG

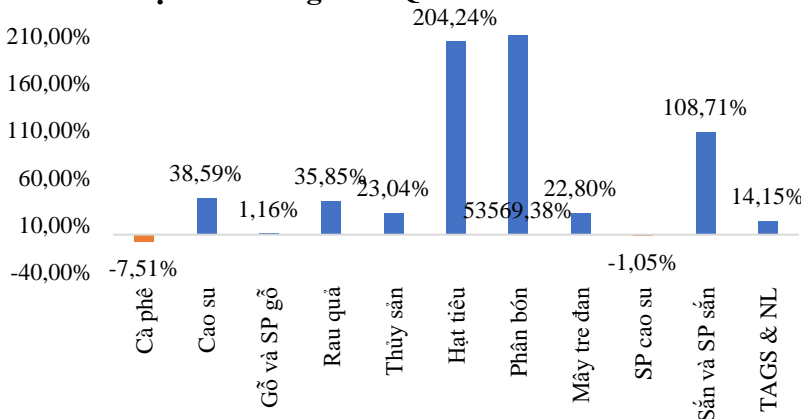
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc
T12-2021/2020**



**So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam –
Hàn Quốc
T12-2021/2020**

Xuất khẩu	▲ 29,51 %
Nhập khẩu	▲ 6,31 %

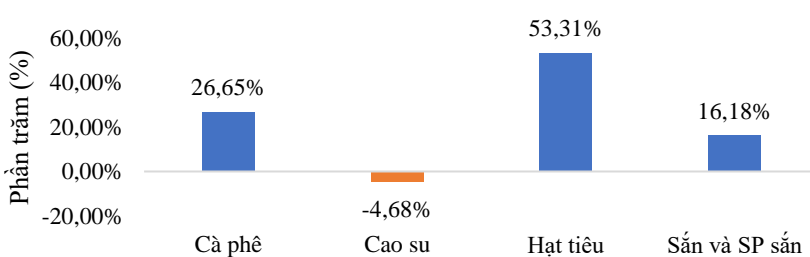
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của
Việt Nam sang Hàn Quốc T12-2021/2020**



So sánh T12-2021/2020

Cà phê	▼ 7,51%
Cao su	▲ 38,59%
Gỗ và SP gỗ	▲ 1,16%
Hàng rau quả	▲ 35,85%
Hàng thủy sản	▲ 23,04%
Hạt tiêu	▲ 204,24%
Phân bón	▲ 53569,38%
Mây tre đan	▲ 22,80%
SP từ cao su	▼ 1,05%
Sản và SP sản	▲ 108,71%
TAGS & NL	▲ 14,14%

**Biến động giá xuất khẩu bình quân
T12-2021/2020**



**So sánh giá xuất khẩu BQ
T12-2021/2020**

Cà phê	▲ 26,65%
Cao su	▼ 4,68%
Hạt tiêu	▲ 53,31%
Sản và SP sản	▲ 16,18%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BOK) cho biết nền kinh tế Hàn Quốc tăng trưởng 4% trong năm 2021, mức cao nhất trong 11 năm qua. So với mức giảm 0,9% của năm 2020, kinh tế Hàn Quốc đã phục hồi mạnh mẽ nhưng không đồng đều giữa các lĩnh vực. Trong khi xuất khẩu tăng mạnh nhất 11 năm và xây dựng khởi sắc, tiêu dùng vẫn hạn chế do các lệnh giãn cách xã hội.

Riêng trong quý IV/2021, GDP tăng 4,1% so với cùng kỳ 2020, cao hơn mức dự báo trung bình là 3,7%. Trong đó, xuất khẩu tăng 4,3% so với quý liền trước. Các lĩnh vực như tiêu dùng tư nhân, đầu tư xây dựng và dịch vụ tăng lần lượt 1,7%, 2,9% và 1,3%. BOK kỳ vọng GDP năm 2022 sẽ tăng trưởng 3% khi nền kinh tế lớn thứ tư châu Á hưởng lợi từ xuất khẩu chất bán dẫn và tăng chi tiêu công.

Số liệu thống kê cho thấy mức tiêu thụ gạo của người dân Hàn Quốc đã xuống mức thấp kỷ lục trong năm 2021, song tốc độ giảm đã chậm lại do nhu cầu bữa ăn gia đình tăng trong bối cảnh dịch COVID-19. Theo Cơ quan Thống kê Hàn Quốc, người dân nước này tiêu thụ trung bình 56,9 kg gạo trong năm ngoái, giảm 1,4% (0,8 kg) so với năm trước đó.

Mặc dù gạo là lương thực chính của người dân Hàn Quốc, song lượng tiêu thụ mặt hàng này đã giảm liên tục kể từ năm 1980 chủ yếu do những thay đổi trong chế độ ăn cũng như thói quen ăn uống. Mức tiêu thụ gạo của năm 2021 đã giảm hơn một nửa so với 30 năm trước, thời điểm lượng tiêu thụ gạo ở mức 116,3 kg. Năm 1980, tiêu thụ gạo bình quân đầu người tại Hàn Quốc ở mức 132,4 kg. Tuy nhiên, tốc độ giảm của năm ngoái đã chậm lại so với mức giảm 3% trong năm 2019 và 2,5% trong năm 2020, khi nhu cầu ăn tại nhà tăng lên do dịch COVID-19 và sự gia tăng số lượng hộ gia đình độc thân. Nhiều người đã chọn nấu ăn ở nhà hơn là ăn ngoài để tránh nhiễm bệnh.

Số liệu thống kê cũng cho thấy giá trị các lô hàng đồ ăn sẵn, được biết đến là sản phẩm thay thế bữa ăn gia đình tại Hàn Quốc, đạt 2.010 tỷ won (1,7 tỷ USD) trong năm 2020, tăng 18,7% so với năm trước đó. So với năm 2016, con số này đánh dấu mức tăng 145%. Lượng tiêu thụ gạo của các nhà sản xuất thực phẩm và đồ uống trong năm 2021 cũng tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước lên 680.157 tấn. Bộ Nông nghiệp cho biết những người cung cấp bữa trưa đóng hộp đã sử dụng lượng gạo nhiều hơn 16,2%.

Tháng 12/2021, Việt Nam xuất khẩu 261,3 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, tăng 29,5% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, gỗ và sản phẩm

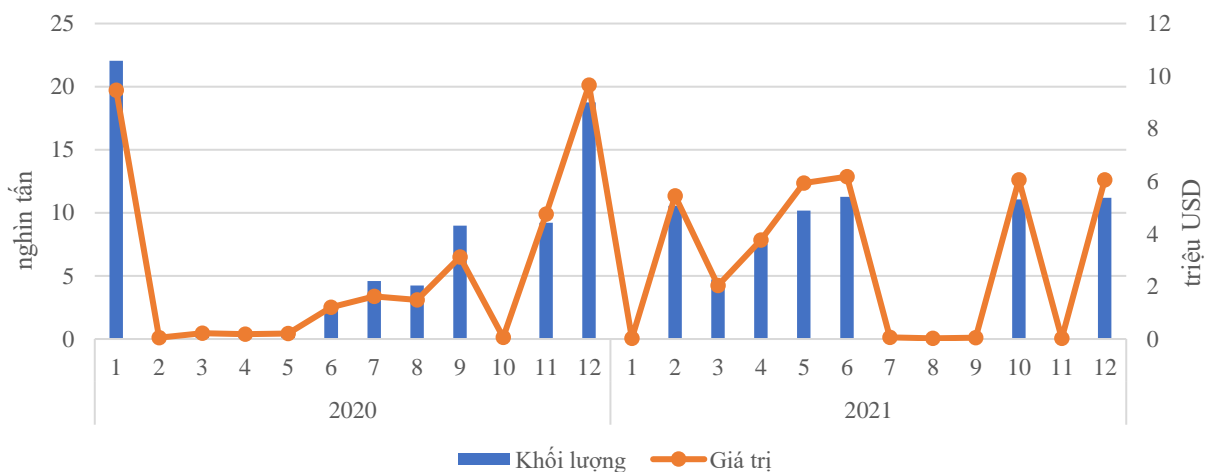
gỗ có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 35,1%, thứ hai là thủy sản với 33,1%, rau quả chiếm 5,2%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, chỉ cà phê và sản phẩm cao su là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm 2020.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 12/2021, Việt Nam xuất khẩu được 11,2 nghìn tấn gạo, trị giá 6,1 triệu USD sang Hàn Quốc, tăng mạnh so với mức 44 tấn gạo, trị giá 23,3 nghìn USD của tháng 11/2021; nhưng giảm 40,3% về khối lượng và 37,3% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong năm 2021 đạt 66,9 nghìn tấn gạo, trị giá 35,7 triệu USD, giảm 6,7% về khối lượng nhưng tăng 11,4% về giá trị so với năm 2020.

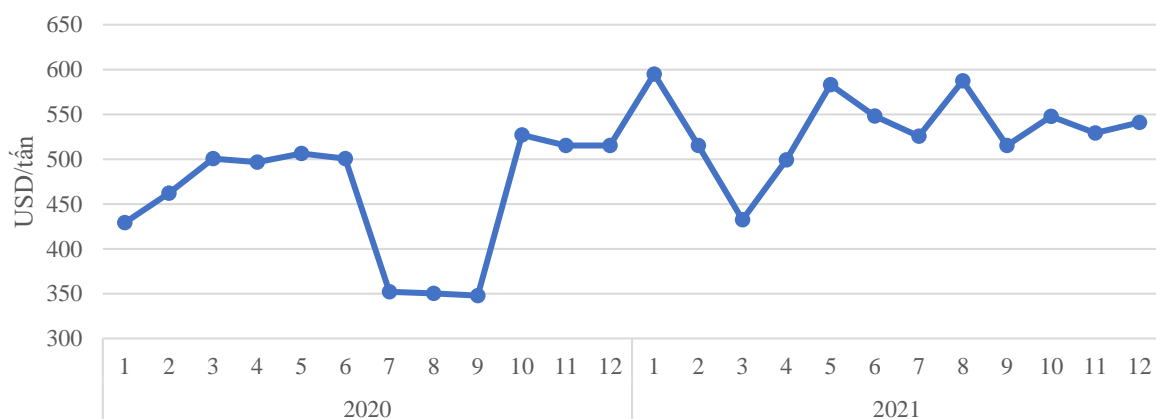
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2021 đạt 541,0 USD/tấn, tăng 2,2% so với tháng trước, và 5,0% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc

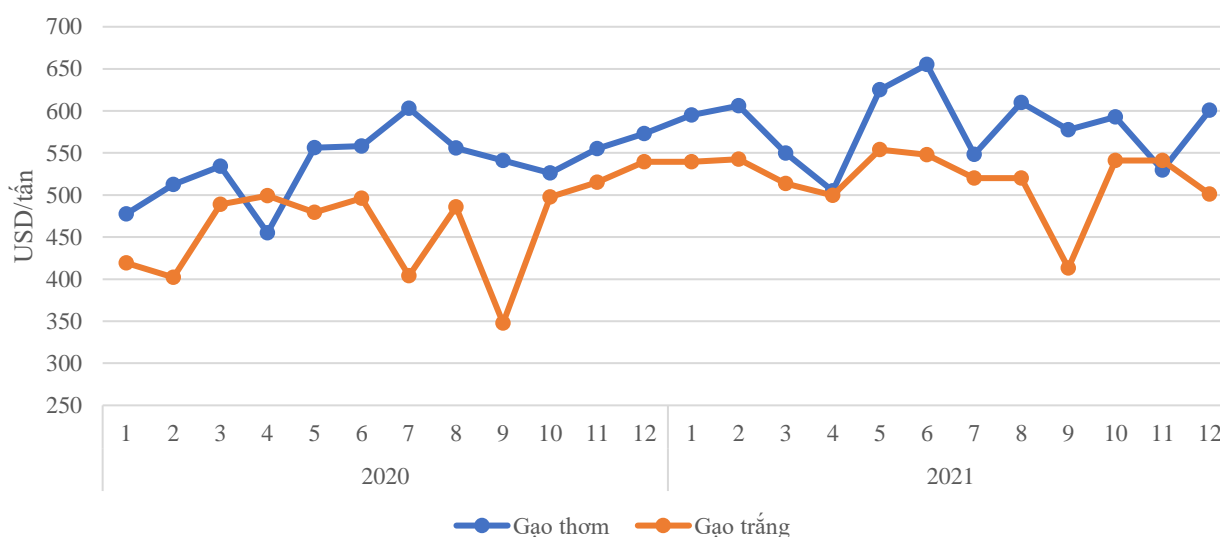


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 99,6% về khối lượng và 99,5% giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc trong tháng.

Giá xuất khẩu gạo thơm đạt 600,8 USD/tấn, tăng 13,5% so với tháng trước và 4,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo trắng đạt 501,0 USD/tấn, giảm 7,4% so với tháng trước và 7,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

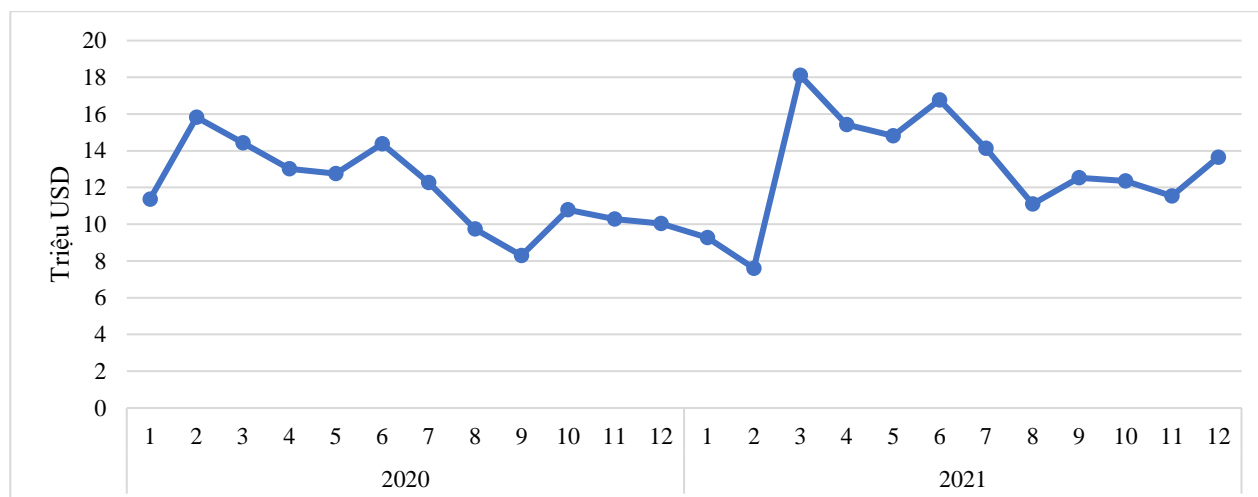
Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

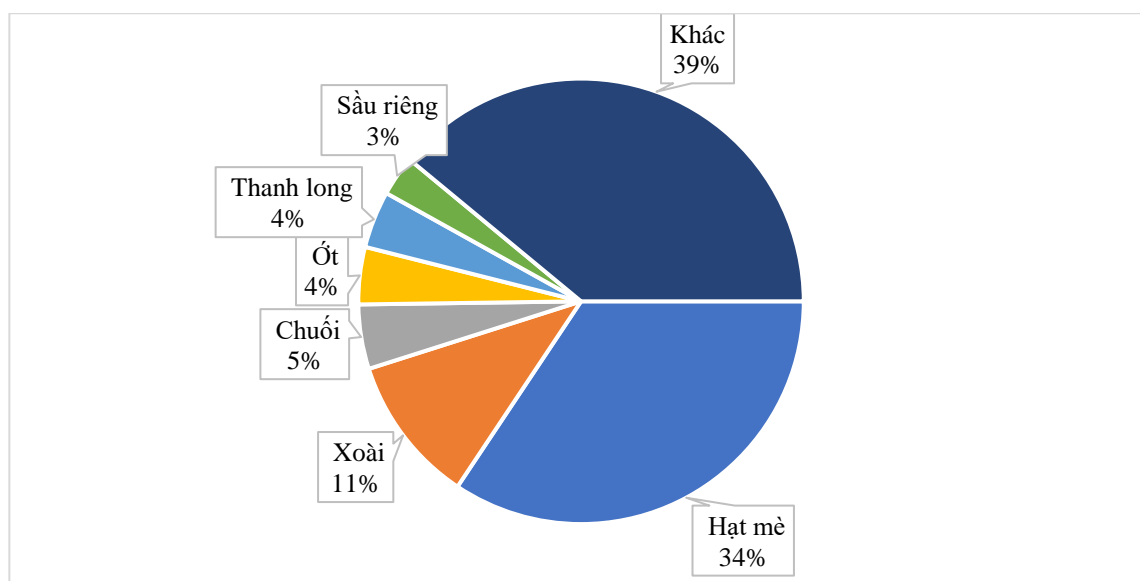
Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 12 năm 2021 đạt 13,6 triệu USD, chiếm 4,6% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 18,3% so với tháng trước và tăng 35,8% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung cả năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 157,4 triệu USD, chiếm 4,4% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 12 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 5,7 triệu USD (chiếm 41,5% thị phần, tăng 110,0% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt gần 8 triệu USD (chiếm 58,5% thị phần), tăng 8,6%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 6,1 triệu USD, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước; (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 892,9 nghìn USD (tăng 8,6%); (iii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 663,8 nghìn USD (tăng 16,8%); v.v.

Trong tháng 12 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt 4,7 triệu USD (chiếm 34,4% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 26,8% so với cùng kỳ năm 2020; xoài đạt 1,5 triệu USD (chiếm 10,7%), tăng 117,7%; chuối đạt 638,3 nghìn USD (chiếm 4,7%), tăng 115,7%; ớt đạt 567,0 nghìn USD (chiếm 4,2%), tăng 67,3%; thanh long đạt 565,2 nghìn USD (chiếm 4,1%), tăng 40,1%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2021

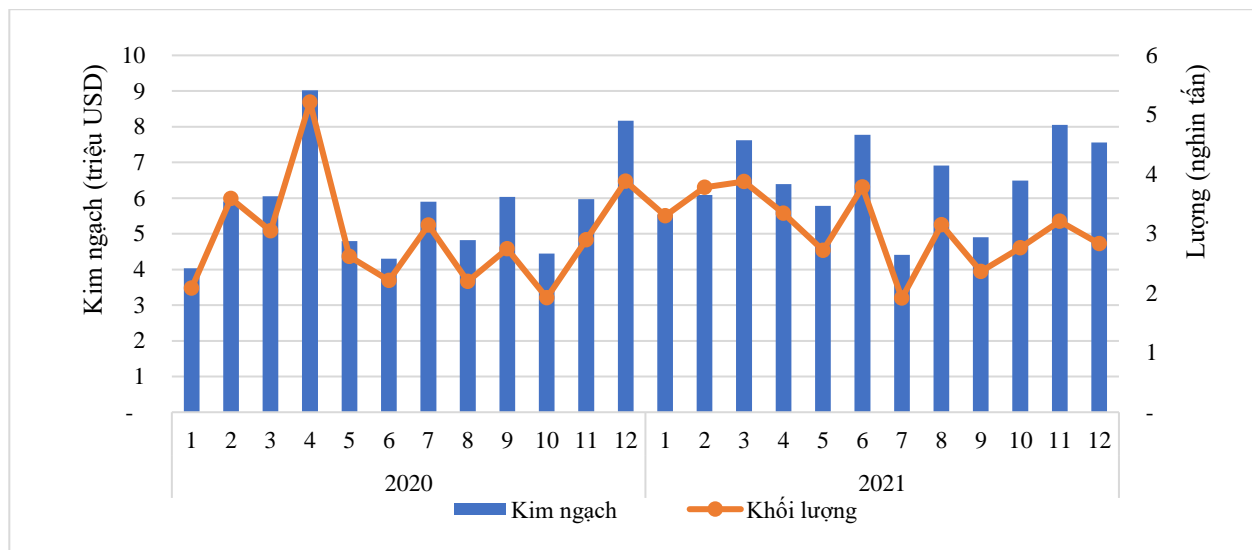
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 12 năm 2021 đạt 7,9 triệu USD, chiếm 6,0% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung cả năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hàn Quốc đạt 47,2 triệu USD, chiếm 3,2% thị phần, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 12/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là dâu tây đạt 1,8 triệu USD (chiếm 23,1%), giảm 14,4% so với cùng kỳ năm 2020; rong biển đạt 1,8 triệu USD (chiếm 22,9%), tăng 52,9%; nho đạt 1,6 triệu USD (chiếm 20,3%), tăng 46,4%; lê đạt 1,1 triệu USD (chiếm 14,0%), tăng 8,1%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Hàn Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 10 của Việt Nam, chiếm hơn 3% tổng lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 12/2021 ước đạt 2,8 nghìn tấn với trị giá 7,6 triệu USD, giảm 11,7% về lượng và 6,2% về giá trị so với tháng trước, và giảm 27,0% về lượng và 7,5% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Năm 2021, xuất khẩu cà phê sang Hàn Quốc đạt 37,1 nghìn tấn, trị giá 77,5 triệu USD, tăng 4,2% về lượng và 11,6% về giá trị so với năm 2020.

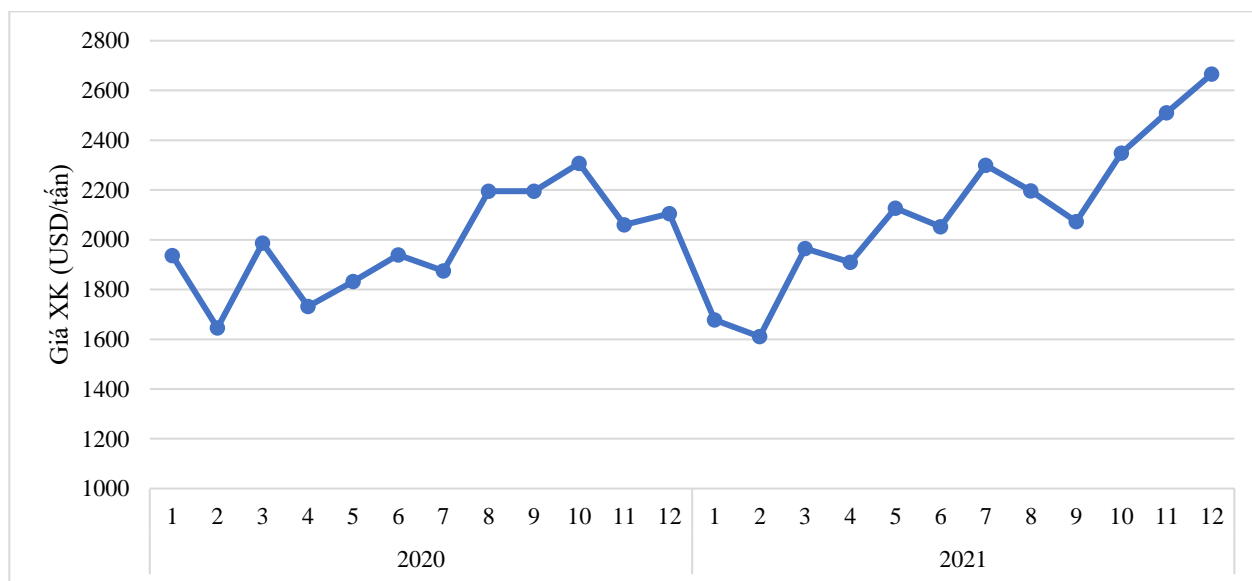
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc đạt 2.666 USD/tấn, tăng 6,2% so với tháng trước và tăng 26,7% so với cùng kỳ năm 2020.

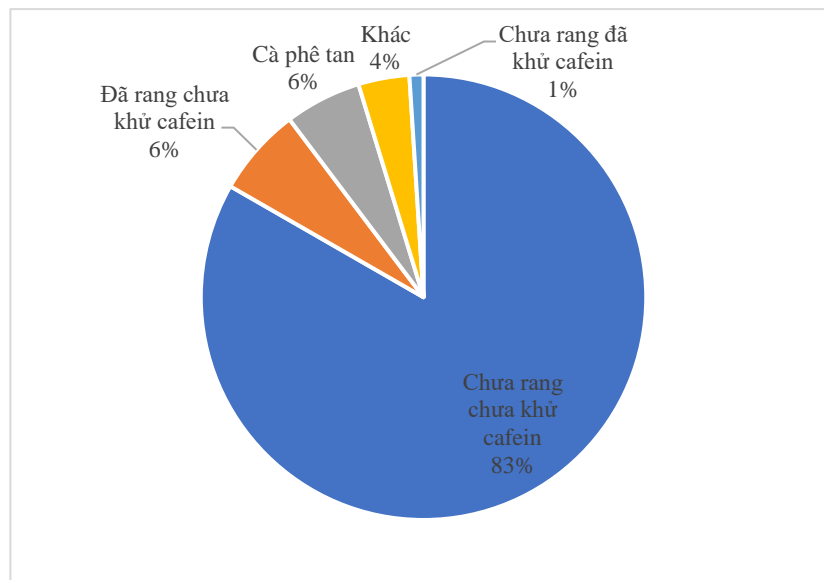
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2021, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 6,3 triệu USD, chiếm 93,3% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê đã rang chưa khử cafein với kim ngạch 485,4 nghìn USD, chiếm 6,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê tan chiếm 5,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 8: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 12/2021

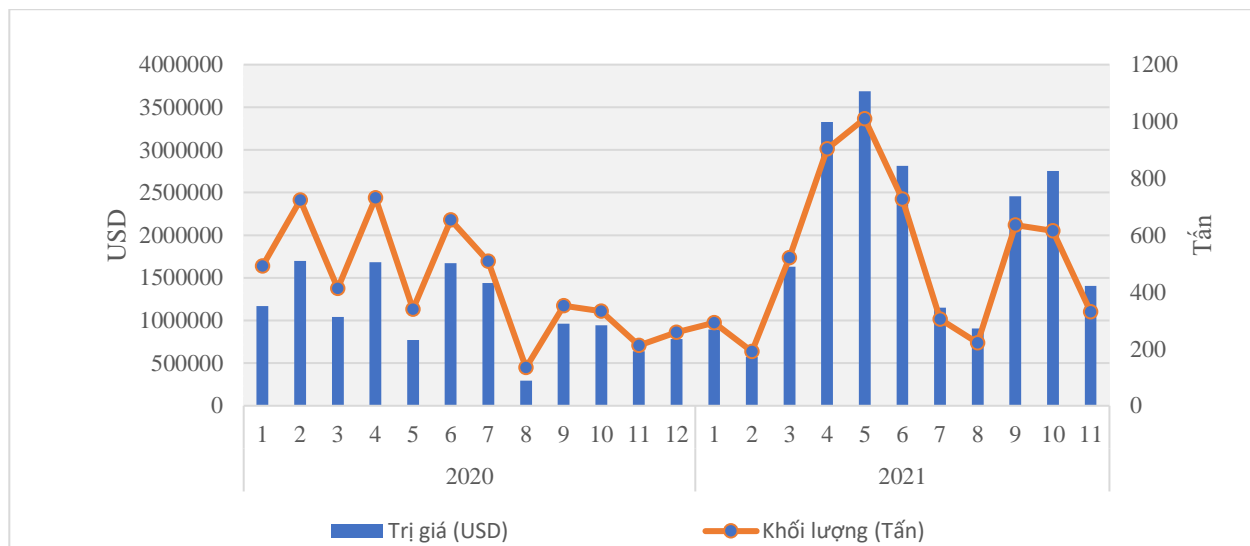


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 12/2021 đã sụt giảm mạnh so với tháng trước. Trong tháng này, Việt Nam chỉ xuất khẩu được 512 tấn hồ tiêu với giá trị khoảng 2,37 triệu USD, tăng 55,15% về khối lượng và 69,17% về giá trị so với tháng 11/2021 và tăng 98,45% về khối lượng và 204,24% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

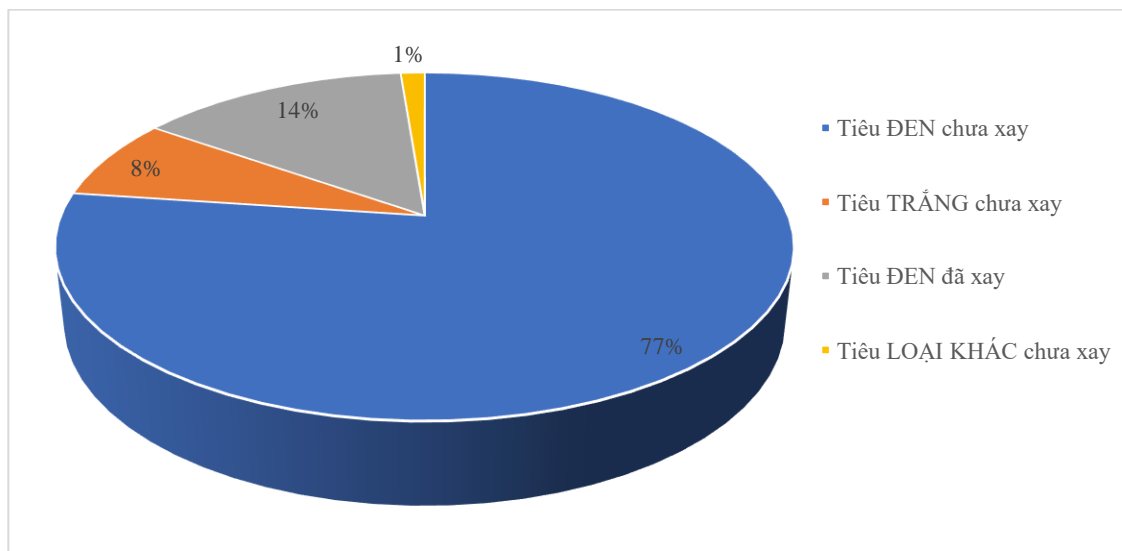
Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 12/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 77,17% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 61,29% so với tháng trước nhưng tăng 310,48% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu trắng chưa xay, chiếm 14,04%, tăng 59,26% so với tháng trước và 68,49% so với cùng kỳ năm 2020.

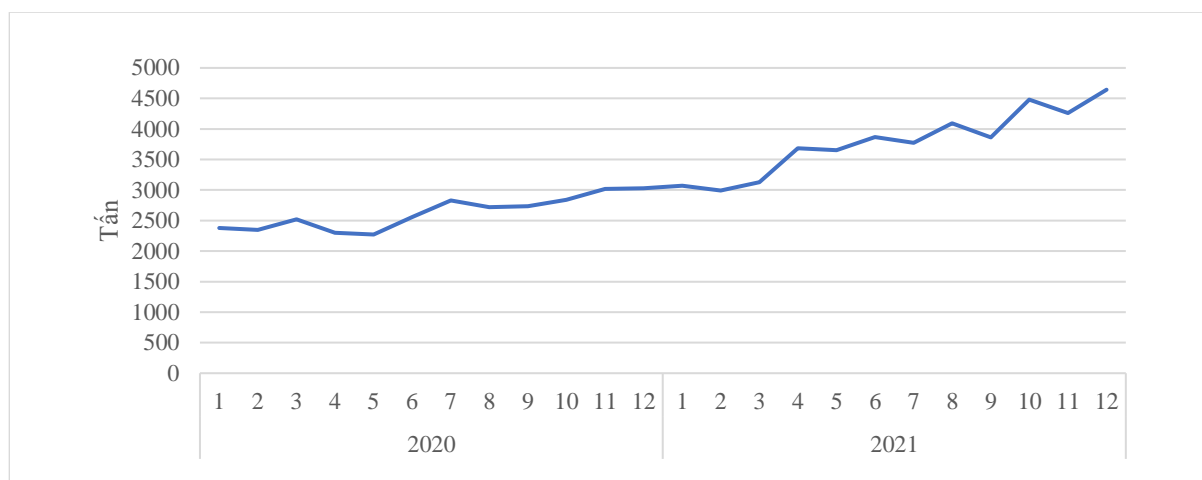
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2021



Nguồn: Tổng cục hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 12/2021 đã tăng trở lại, đạt mức 4.643 USD/tấn, tăng 4,2% so với tháng trước và 62,3% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)



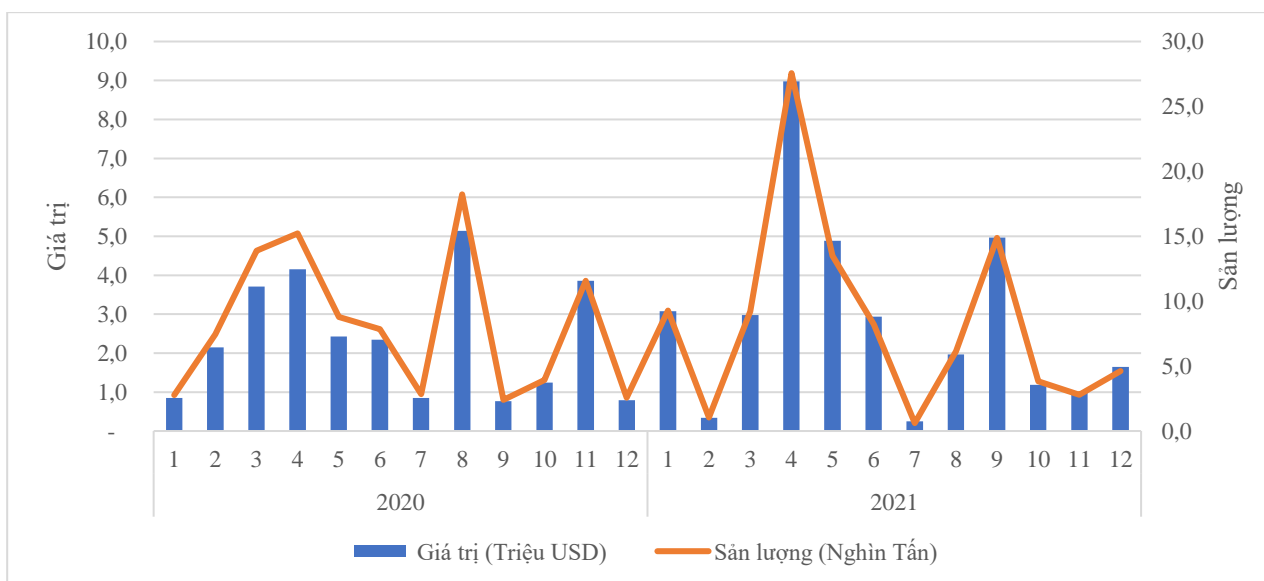
Nguồn: Tổng cục hải quan

5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

Hàn Quốc là thị trường nhập khẩu sản lớn thứ 3 trên thế giới trong năm 2021, đứng sau Trung Quốc và Hoa Kỳ. Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), 11 tháng năm 2021, giá trị nhập khẩu sản của Hàn Quốc đạt 53 triệu USD, tăng 26,4% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, sản Việt Nam chiếm 79,1% tổng giá trị nhập khẩu sản của Hàn Quốc, tăng 63,8% so với 11 tháng đầu năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 12/2021, Việt Nam xuất khẩu được 4.626 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 1,6 triệu USD sang thị trường Hàn Quốc, tăng 65,5% về khối lượng và tăng 67,4% về giá trị so với tháng 11/2021; tăng 79,7% về khối lượng và tăng 108,7% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Lũy kế cả năm 2021 đạt 98,7 nghìn tấn, trị giá 33,0 triệu USD, tăng 0,8% về khối lượng và tăng 17,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

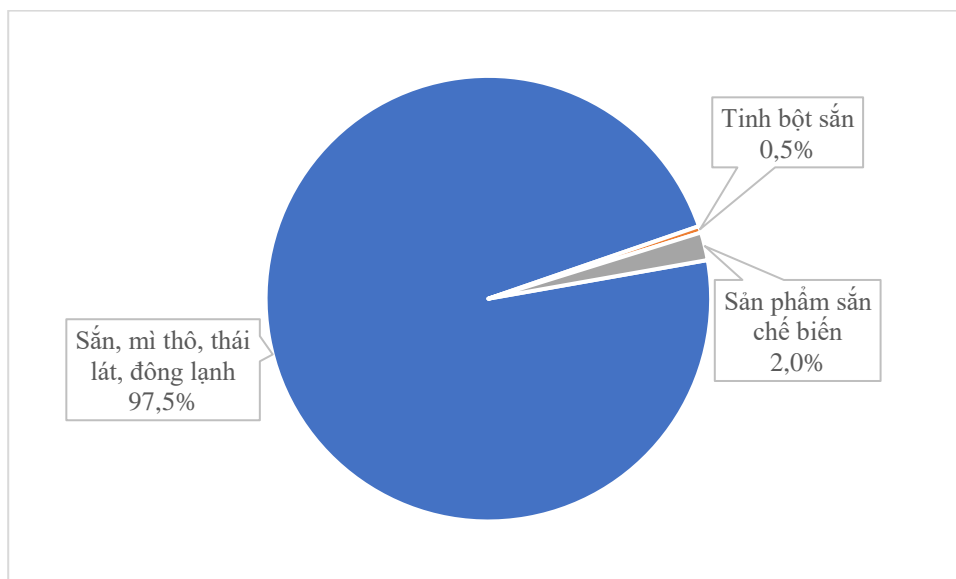
Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 1,8% về khối lượng và 1,4% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 12 năm 2021. Trong đó, sản lát, đông lạnh đạt 1,6 triệu USD (chiếm 97,5% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường này), tăng 140,2% so với cùng kỳ năm 2020; sản phẩm sản chế biến đạt 33,3 nghìn USD (chiếm 2,0%), tăng 16,5%; tinh bột sản đạt 7,8 nghìn USD (chiếm 0,5%), giảm 91,5%.

Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Hàn Quốc



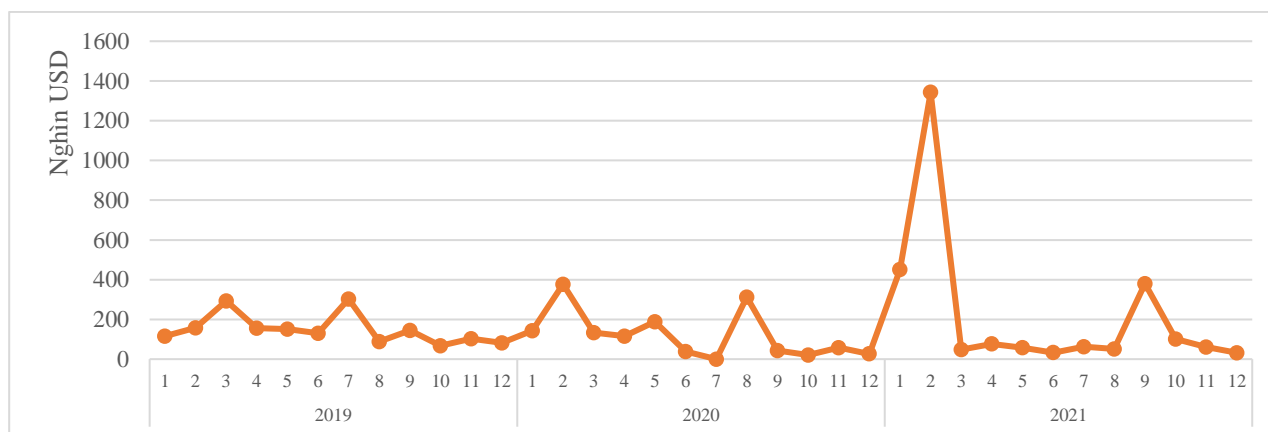
Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Đàn heo trên thế giới cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ trong năm 2021. Theo báo cáo quý IV/2021 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng heo toàn cầu tăng 1,1% so với năm 2020 lên 1.179 triệu con. Theo đó, ngoại trừ Mỹ, Hàn Quốc và Nhật Bản dự kiến ghi nhận đàn heo giảm khoảng 1,1 - 4,5% trong năm 2021, sản lượng heo tại các nhà sản xuất còn lại đều được dự báo tăng 0,2 - 2,6% so với năm trước đó.

Trong tháng 12/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 31,4 nghìn USD, tăng 21,4% so với tháng 11/2020 nhưng giảm 48,4% so với cùng kỳ năm trước, đưa tổng giá trị xuất khẩu năm 2021 đạt 2,7 triệu USD, tăng 84,9% so với cùng kỳ năm 2020. Các sản phẩm chủ yếu được xuất khẩu trong tháng này gồm các sản phẩm từ ếch.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, trong tháng 12/2021, Việt Nam đã nhập khẩu 4,3 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, giảm 16,8% so với tháng trước, và tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước, đưa tổng giá trị nhập khẩu năm 2021 đạt 45,02 triệu USD, giảm 22,6% so với cùng kỳ năm 2020 (52,75 triệu USD). Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt gia cầm đã qua giết mổ và thịt chế biến.

7. THỦY SẢN

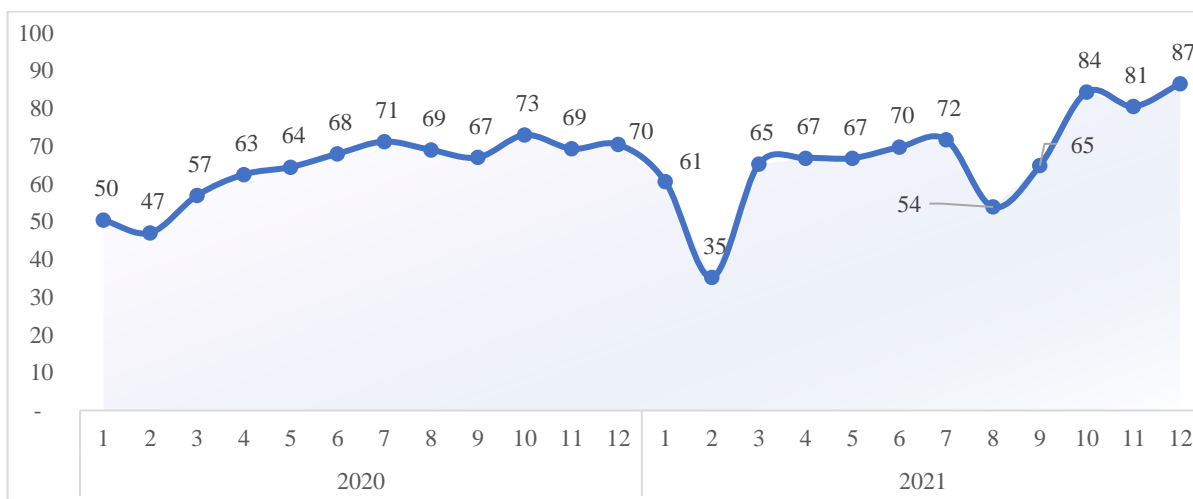
Theo Tổng công ty Thương mại Thực phẩm và Nông sản Hàn Quốc, giá hải sản tại Hàn Quốc tăng do sản lượng đánh bắt giảm. Giá mực tại Hàn Quốc tháng cuối năm 2021 đã tăng 18,3% so với tháng trước đó khi sản lượng khai thác mực ở bờ biển phía Đông Hàn Quốc, chiếm 70% tổng sản lượng khai thác của Hàn Quốc, rất thấp

trong năm 2021. Theo Viện Hàng hải Hàn Quốc (KMI), tháng 11/2021, sản lượng đánh bắt mực đạt 2.193 tấn, giảm 85,4% so với 15.021 tấn trong tháng 10/2021. Cùng xu hướng tăng giá, cá bơn halibut được bán với giá 16.845 won/kg tại chợ cá Incheon từ tháng 1 đến cuối tháng 11/2021, tăng 25,5% so với năm 2020; Cá Rockfish được bán với giá 16.488 won, tăng 55,5%.

Giá hải sản tại Hàn Quốc được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong năm 2022 do nguồn cung trong nước giảm. Những người nuôi cá tại Hàn Quốc đã giảm thả nuôi vì cho rằng nhu cầu sẽ giảm do các quy định cấm mọi người ăn bên ngoài, nhưng thực tế nhu cầu đã tăng trở lại. Theo một cuộc khảo sát của KMI với 1.200 người trưởng thành, 51% cho biết họ đã sử dụng các ứng dụng giao đồ ăn và mang ra ngoài để ăn sashimi kể từ sau đại dịch. Các chuyên gia dự đoán phải mất một năm nữa để nguồn cung cá nuôi phục hồi trở lại mức trước đại dịch

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 86,6 triệu USD, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2020, và 7,5% so với tháng trước. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc, chiếm 9,6% thị phần xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng 12/2021. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm 43,2% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 31,8%.

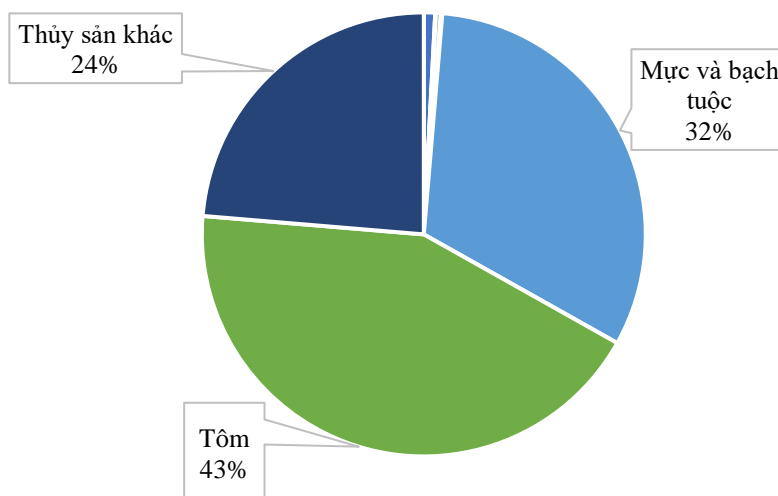
Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này có xu hướng tăng trưởng trở lại với tháng trước, tăng 7,5%. Năm 2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 806,5 triệu USD, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước.

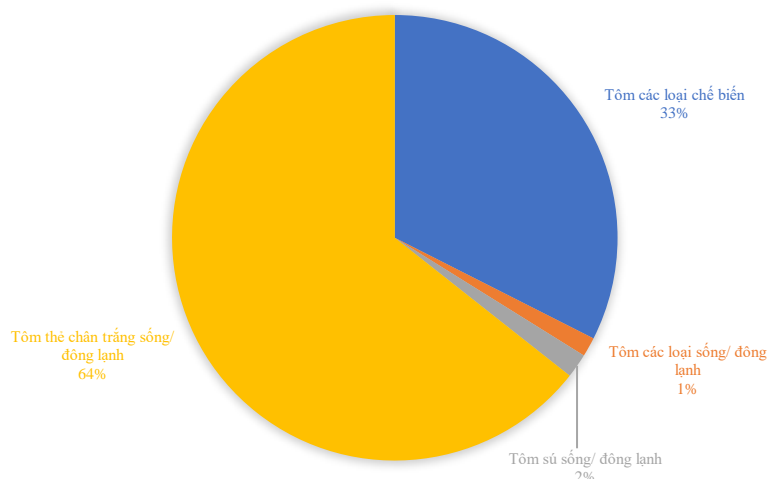
Hình 16. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm trong tháng 12/2021 tăng nhẹ so với tháng trước, tăng 3%. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 64,4%, tôm các loại chế biến đứng thứ 2 chiếm 32,5% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2021

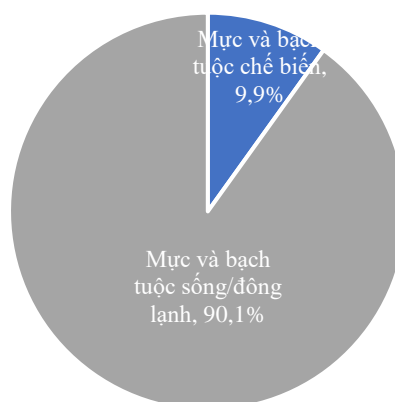


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2021, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 24,1 triệu USD tăng 55,3% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 12,1 triệu USD, tăng 14,7%; tôm sù sống/đông lạnh đạt 0,7 triệu USD, tăng 28,2%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,5 triệu USD, tăng 7,4%.

Mật hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 12 năm 2021 đạt 27,5 triệu USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2020, và tăng 10,4% so với tháng trước. Trong đó, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 24,8 triệu USD, tăng 20,1% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc chế biến đạt 2,7 triệu USD, tăng 41,1%.

Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 12/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 12/2021: Cá da trơn đạt 0,7 triệu USD, tăng 138,3% so với cùng kỳ năm trước; cá rô phi đạt 0,3 triệu USD, tăng 84,9%; cá ngừ đạt 0,1 triệu USD giảm 74%; cua – ghẹ đạt 0,1 triệu USD, giảm 46,5%.

Tháng 12/2021, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc có xu hướng tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 9,1 USD/kg, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước; Mực và bạch tuộc đạt 8,8 USD/kg, tăng 10,3%.

Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2021

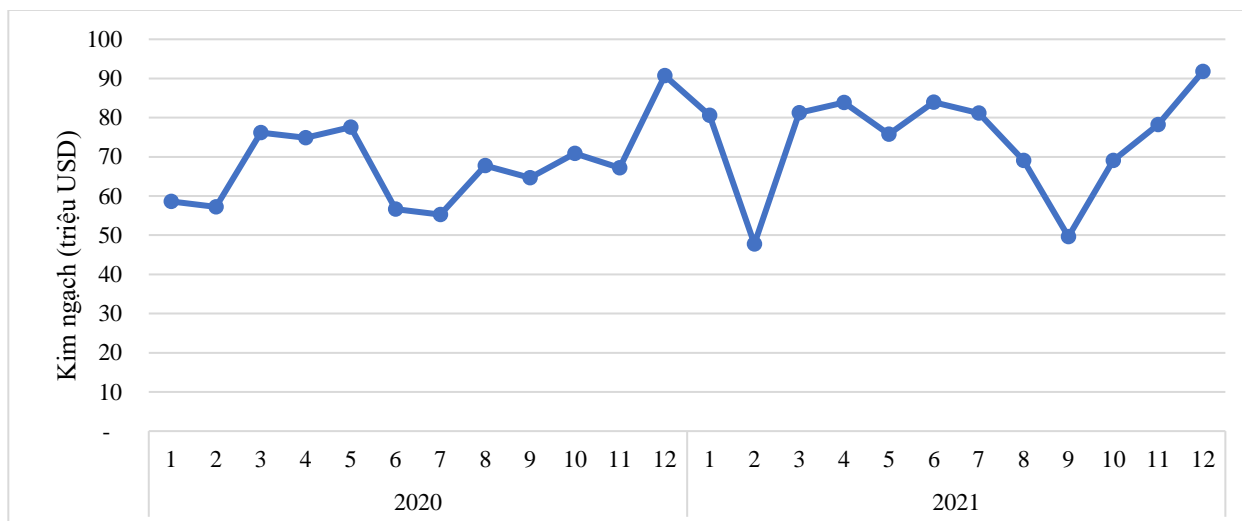
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3,1	18,7%	-2,9%
2	Cá rô phi	2,7	1,4%	-14,6%
3	Cua, ghẹ	6,3	74,9%	25,7%
4	Mực và bạch tuộc	8,8	10,3%	-2,6%
5	Tôm	9,1	14,6%	3,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 91,8 triệu USD, tăng 17,3% so với tháng trước và 1,2% so với cùng kỳ năm 2020.

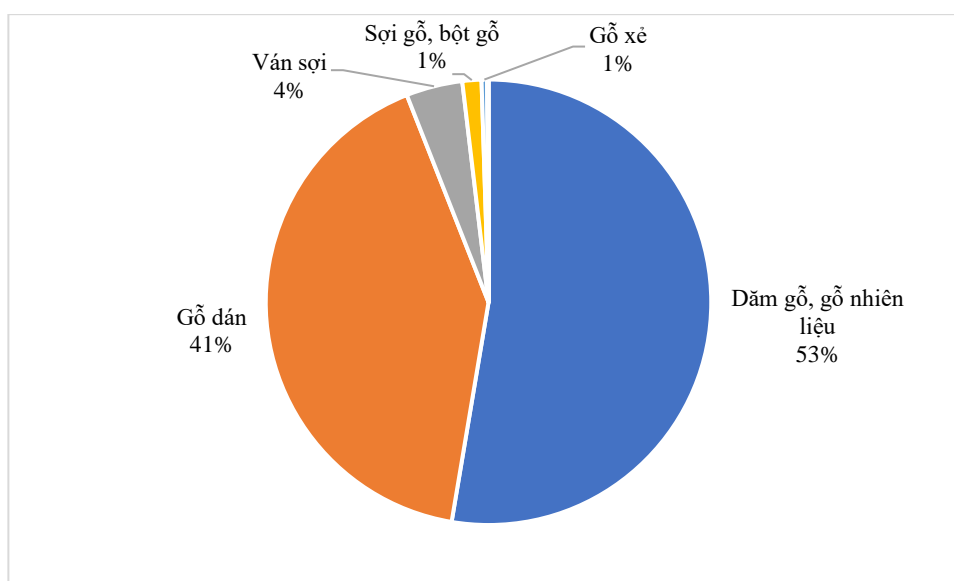
Hình 19: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2021, dăm gỗ là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 32,8 triệu USD, chiếm 52,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 25,8 triệu USD, chiếm 41,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 4,1% và 1,4% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 20: Chứng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 12/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

9. CAO SU

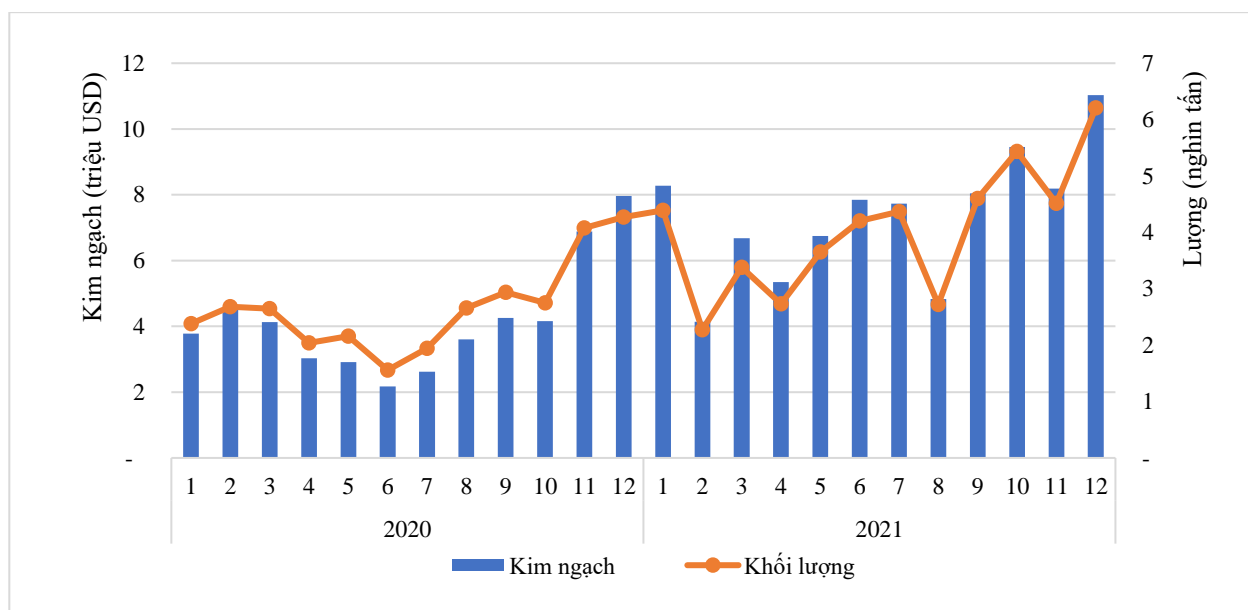
Theo Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, năm 2021, Hàn Quốc nhập khẩu 504,02 nghìn tấn cao su, trị giá 1,04 tỷ USD, tăng 3,9% về lượng và tăng 24,6% về trị giá so với năm 2020. Với kim ngạch nhập khẩu như trên, Hàn Quốc hiện đang là 1 trong 10 thị trường nhập khẩu cao su lớn nhất trên thế giới.

Trong năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 4 cho Hàn Quốc, đạt 39,51 nghìn tấn, trị giá 75,4 triệu USD, tăng 17,7% về lượng và tăng 45,8% về trị giá so với năm 2020. Thị phần cao su Việt Nam chiếm 7,8% trong tổng lượng nhập khẩu cao su của Hàn Quốc, tăng so với mức 6,9% của năm 2020.

Đối với chứng loại cao su tự nhiên, trong năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ 3 cho Hàn Quốc, với 39,36 nghìn tấn, trị giá 74,98 triệu USD, tăng 18,5% về lượng và tăng 47,2% về trị giá so với năm 2020. Thị phần cao su tự nhiên của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc chiếm 12,4%, tăng so với 10,8% của năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 6,2 nghìn tấn với trị giá 11,0 triệu USD, tăng 37,5% về khối lượng và 34,8% về giá trị so với tháng trước, và tăng 45,4% về khối lượng và 38,6% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

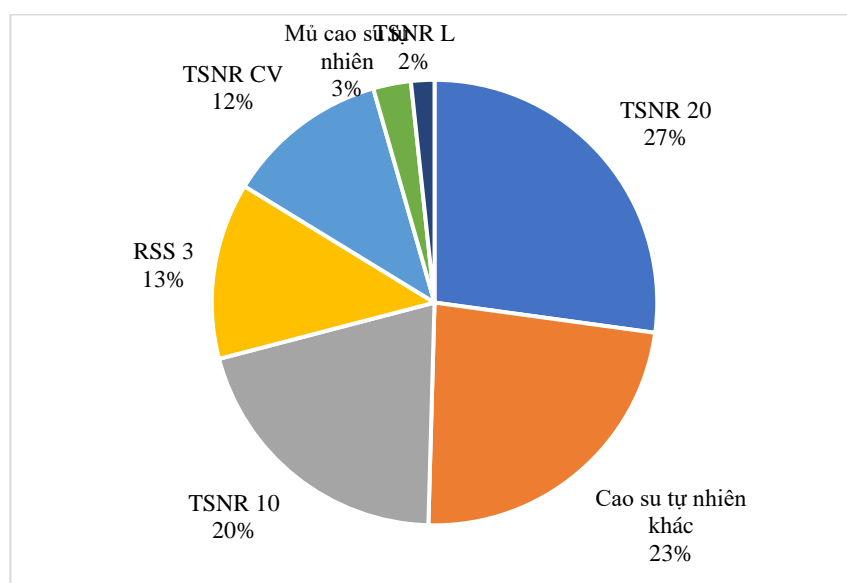
Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 20 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 3,0 triệu USD, chiếm 27,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR 10 với kim ngạch 2,3 triệu USD, chiếm 20,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 3 và TSNR CV chiếm lần lượt 12,8% và 11,8% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

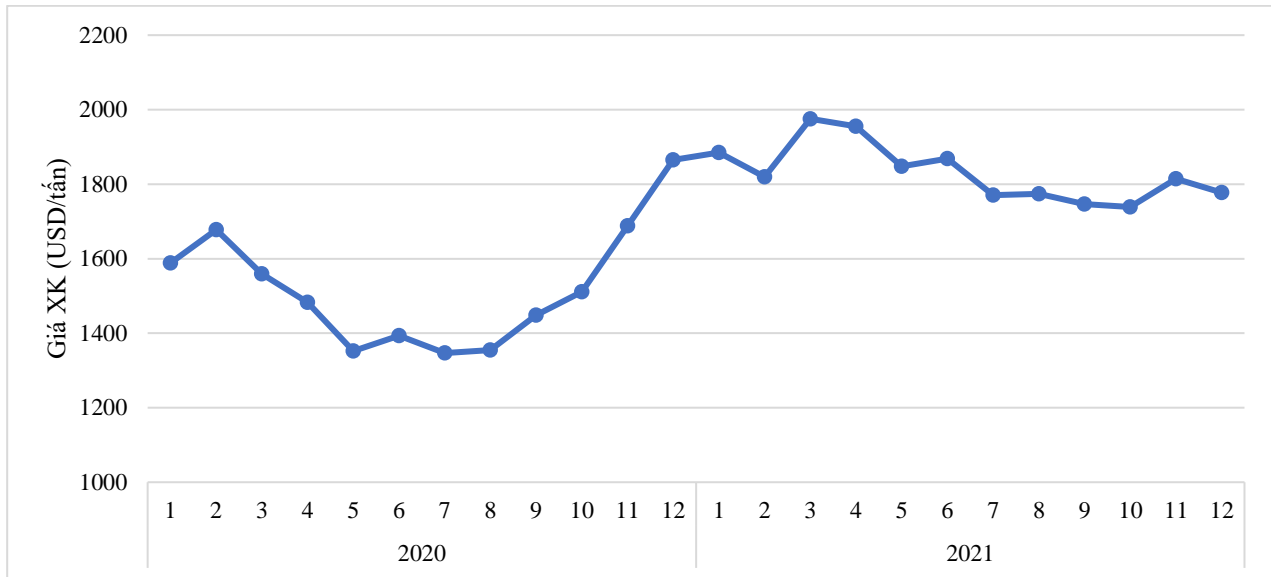
Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 12/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.777 USD/tấn trong tháng 12/2021, giảm 2,0% so với tháng trước, và giảm 4,7% so với cùng kỳ 2020.

Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Lúa gạo

Theo USDA, trong năm 2021/22 Hàn Quốc sẽ sản xuất được khoảng 3,88 triệu tấn gạo, tăng khoảng 10,7% so với cùng kỳ năm 2020/21. Do đó, Hàn Quốc có thể chỉ nhập khẩu khoảng 410 nghìn tấn trong năm 2022, giảm 8,9% so với mức ước tính sơ bộ của năm 2021.

2. Cà phê

Theo dự đoán mới nhất của USDA ra vào tháng 12/2021, tổng nhập khẩu cà phê các loại của Hàn Quốc niên vụ 2021/2022 không đổi so với niên vụ 2020/2021 ở mức 3.050 nghìn bao, trong đó nhập khẩu cà phê nhân là 2.700 nghìn bao, nhập khẩu cà phê rang xay là 350 nghìn tấn, tiêu thụ nội địa là 3,05 triệu bao.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 12/2021

STT	Sản phẩm	T12/2021 (USD)	Tăng/giảm so với T12/2020	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	7.557.692	-7,51%	2,89%
2	Cao su	11.032.158	38,59%	4,22%
3	Gỗ và SP gỗ	91.791.235	1,16%	35,13%
4	Hàng rau quả	13.645.991	35,85%	5,22%
5	Hàng thủy sản	86.603.273	23,04%	33,14%
6	Hạt tiêu	2.377.279	204,24%	0,91%
7	Phân bón các loại	33.135.478	53569,38%	12,68%
8	Mây tre đan	2.616.566	22,80%	1,00%
9	SP từ cao su	8.506.505	-1,05%	3,26%
10	Sấn và SP từ sấn	1.645.218	108,71%	0,63%
11	TAGS & NL	2.394.301	14,15%	0,92%
Tổng XK NLTS		261,305,696		100,00%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 12/2021**

TT	Loại sản phẩm	Tháng 12/2020		Tháng 12/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo thơm	18.721	9.642.651	11.144	6.026.639	-40,5%	-37,5%
2.	Gạo trắng	19	10.625	38	21.548	98,2%	102,8%
3.	Các loại gạo khác	7	3.702	10	6.593	42,9%	78,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 12/2021

Mặt hàng	T12/2020 (USD)	T12/2021 (USD)	So sánh 2021/2020
Chưa rang chưa khử cafein	4.992.343	6.294.010	26,07%
Cà phê tan	1.733.508	420.160	-75,76%
Đã rang chưa khử cafein	620.810	485.353	-21,82%
Khác	821.071	279.929	-65,91%
Chưa rang đã khử cafein		76.675	
Tổng	8.167.731	7.556.128	-7,49%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 12/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 12/2020	Tháng 12/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	2021/2020
	Tổng giá trị XK	10.045.013	13.645.991	35,8%
1	Hạt mè	3.699.043	4.688.763	26,8%
2	Xoài	673.097	1.465.346	117,7%
3	Chuối	295.853	638.290	115,7%
4	Ớt	338.961	567.012	67,3%
5	Thanh long	403.429	565.178	40,1%
6	Sầu riêng	84.114	398.878	374,2%
7	Khác	4.550.516	5.322.524	17,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 12/2021

TT	Sản phẩm	T12/2020 (USD)	T12/2021 (USD)	So sánh 2021/2020
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	667.705	1.604.074	140,2%
2	Sản phẩm sản chế biến	91.984	7.824	-91,5%
3	Tinh bột sắn	91.984	7.824	-91,5%
	Tổng giá trị XK	28.592	33.320	16,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2021

Loại sản phẩm	Tháng 12/2021 (USD)	Tháng 12/2020 (USD)	So sánh 2021/20 (%)
Cá da trơn	715.393,0	405.419,2	76,5%
Cá ngừ	45.280,0	105.088,3	-56,9%
Cá rô phi	310.493,0	154.666,5	100,7%
Cua, ghe	86.538,0	189.335,5	-54,3%
Mực và bạch tuộc	27.546.948,8	22.572.322,1	22,0%
Tôm	37.396.888,5	27.089.917,2	38,0%
Thủy sản khác	20.501.731,6	19.872.227,4	3,2%
Tổng	86.603.273,0	70.388.976,0	23,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan